

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 8
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Bản án số: 461/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 22/5/2019

V/v : Tranh chấp ly hôn giữa chị M
và anh T

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 8 THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lương Duy Minh Chính

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Năm

2. Ông Đoàn Văn Rỹ

Thư ký phiên tòa: Bà Hứa Hồng Đào – Thư ký của Tòa án nhân dân Quận 8,
Thành phố Hồ Chí Minh.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia
phiên tòa:* Bà Ngô Thị Kim Sinh – Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 5 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 8, xét xử sơ
thẩm công khai vụ án thụ lý số 995/2018/TLST-HNGĐ, ngày 03 tháng 12 năm
2018, về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số
28/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 16/4/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số
17/2019/QĐST-HNGĐ ngày 03/5/2019, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Lê Thị Thanh M, sinh năm 1977;

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 474 đường A, Phường B, Quận K,
Thành phố Hồ Chí Minh;

Nơi cư trú: Số 13/40 đường C, Phường D, Quận Z, Thành phố Hồ Chí Minh;

2. *Bị đơn:* Ông Nguyễn Hoàng T, sinh năm 1975;

Nơi cư trú: Số 474 đường A, Phường B, Quận K, Thành phố Hồ Chí Minh

(Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 30/10/2018 cùng các tài liệu chứng cứ có trong
hồ sơ, nguyên đơn chị Lê Thị Thanh M trình bày:

Chị M và anh Nguyễn Hoàng T kết hôn có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân
dân Phường B, Quận K, Thành phố Hồ Chí Minh, theo Giấy chứng nhận đăng ký

kết hôn số 120/2000, quyền số 01, đăng ký ngày 10/8/2000. Trong thời gian chung sống vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn do giữa chị M và anh T bất đồng quan điểm sống, thường xuyên gây tranh cãi, anh T không quan tâm chăm sóc gia đình, nhiều lần có hành vi bạo lực đối với chị M. Mặc dù cả hai bên đã nhiều lần tự hòa giải hàn gắn nhưng không thành. Chị M đã từng nộp đơn xin ly hôn với anh T nhưng vì thương các con chị đã tự nguyện rút đơn về đoàn tụ gia đình. Tuy nhiên, mâu thuẫn giữa chị M và anh T ngày càng trầm trọng giữa vợ chồng không còn tiếng nói chung, chị M không còn tình cảm với anh T, không chia sẻ được các vấn đề trong cuộc sống gia đình nên cả hai đã không còn sống chung từ năm 2013 cho đến nay. Do đó, chị M yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị M được ly hôn với anh T. Theo chị M, việc anh T yêu cầu được hòa giải đoàn tụ là cố tình gây khó khăn và kéo dài việc giải quyết vụ án. Bản thân anh T không có bất kỳ động thái gì thể hiện muốn hòa giải, đoàn tụ gia đình mà thường xuyên có những lời lẽ xúc phạm, đe dọa chị M. Anh T cố tình trì hoãn không tham gia các buổi hòa giải để nhằm kéo dài thời gian gây khó khăn cho chị M vì nếu anh T thật sự muốn đoàn tụ gia đình thì đã chấp hành triệu tập của Tòa án đến tham gia các buổi hòa giải. Cho nên chị M cương quyết đề nghị Tòa án giải quyết cho chị M được ly hôn với anh T. Về con chung: Có hai người con chung tên Nguyễn Hoàng Lê F, sinh ngày 22/02/2001 hiện đã thành niên và Nguyễn Lê Khánh L, sinh ngày 17/11/2003. Sau khi ly hôn, nguyện vọng chị M muốn được trực tiếp nuôi con chung Khánh L, yêu cầu anh T cấp dưỡng chi phí học hành cho con chung Khánh L mỗi tháng là 3.000.000 đồng. Về tài sản chung: Chị M yêu cầu được tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung: Chị M tự khai không nợ gì của ai.

Bị đơn anh Nguyễn Hoàng T vắng mặt tại phiên tòa nhưng trong bản tự khai và biên bản hòa giải cùng ngày 28/12/2018 anh T đã thể hiện ý kiến biết được việc chị M nộp đơn khởi kiện ly hôn, đã nhận được thông báo thụ lý vụ án. Đối với yêu cầu xin ly hôn của chị M anh T không đồng ý vì cho rằng mâu thuẫn gia đình là không trầm trọng, giữa hai vợ chồng có gây gổ, cãi nhau nhưng đó là tình trạng chung của các gia đình nào cũng có. Việc anh T có đánh chị M là do chị M ngoại tình vào năm 2009. Sau sự việc này, chị M có nộp đơn xin ly hôn với anh T, anh T đã hòa giải, động viên vợ chồng đoàn tụ nên chị M đã rút đơn khởi kiện. Anh T cho rằng hai vợ chồng tuy không sống chung với nhau từ năm 2013 là do nhu cầu học hành của các con nên anh T có chấp nhận cho hai con về bên ngoại sống, chị M đi cùng để chăm lo cho các con nhưng hàng ngày chị M vẫn đến cửa hàng của

vợ chồng làm việc, hai vợ chồng vẫn sinh hoạt bình thường, sau khi đóng cửa hàng thì chị M mới về bên ngoại sống để lo cho các con. Vì vậy, anh T không đồng ý ly hôn với chị M và đề nghị Tòa án cho thời gian để vợ chồng hòa giải, hàn gắn đoàn tụ gia đình. Về con chung: Anh T xác nhận giữa anh T và chị M có hai người con chung tên Nguyễn Hoàng Lê F, sinh ngày 22/02/2001 và Nguyễn Lê Khánh L, sinh ngày 17/11/2003. Nếu phải ly hôn, anh T tôn trọng ý kiến của các con, nếu các con muốn sống chung với anh T thì anh T sẽ nuôi dưỡng và không yêu cầu chị M cấp dưỡng nuôi con chung. Nếu các con chung có nguyện vọng sống chung với mẹ thì anh T đồng ý giao con chung cho chị M trực tiếp nuôi dưỡng và đồng ý mức yêu cầu cấp dưỡng nuôi mỗi con chung một tháng 3.000.000 đồng. Về tài sản chung và nợ chung: Anh T đồng ý tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết, khi nào có tranh chấp thì các bên sẽ khởi kiện bằng một vụ án khác.

Sau buổi hòa giải ngày 28/12/2018, Tòa án đã triệu tập nhiều lần nhưng anh T vẫn vắng mặt nên Tòa án không ghi được lời khai, không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến: Quá trình giải quyết vụ án và xét xử, Tòa án đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật về tố tụng dân sự, về thời hạn xét xử đảm bảo theo quy định của pháp luật, nguyên đơn chấp hành đúng pháp luật, bị đơn không thực hiện đúng các quy định của pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị Thanh M.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, lời phát biểu ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Tại Bản tự khai và Biên bản hòa giải cùng ngày 28/12/2018, anh Nguyễn Hoàng T khẳng định đã nhận được Thông báo thụ lý vụ án, xác nhận và yêu cầu Tòa án tổng đạt mọi văn bản tố tụng cho anh T tại địa chỉ số 474 đường A, Phường B, Quận K, Thành phố Hồ Chí Minh. Đồng thời theo kết quả xác minh của Công an Phường B, Quận K trên cơ sở Phiếu yêu cầu xác minh số 995/PYCXM ngày 20/12/2018 của Tòa án nhân dân Quận 8 xác định anh T hiện đang cư trú tại địa chỉ trên. Do đó, việc Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng cho anh Nguyễn Hoàng T tại địa chỉ 474 đường A, Phường B, Quận K, Thành phố Hồ Chí Minh là phù hợp quy định của pháp luật Tố tụng dân sự.

Anh Nguyễn Hoàng T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ, đã tổ chức hòa giải lần thứ nhất vào ngày 28/12/2018 nhưng vợ chồng không thể đoàn tụ. Tòa án tiếp tục triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2, thứ 3 để hòa giải mà anh T vẫn cố tình vắng mặt. Do vậy, theo quy định tại Điều 207 của Bộ Luật tố tụng Dân sự, vụ án không thể tiến hành hòa giải được.

Anh T đã được tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa, Giấy triệu tập dự phiên tòa xét xử đến lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, nên Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh T theo quy định tại Khoản 2 Điều 227 và Khoản 3 Điều 228 của Bộ Luật tố tụng Dân sự.

Nguyên đơn chị Lê Thị Thanh M có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ vào Khoản 1 Điều 228 Bộ Luật tố tụng Dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Xét đơn yêu cầu xin ly hôn của chị Lê Thị Thanh M thì đây là tranh chấp ly hôn theo yêu cầu một bên, do bị đơn là anh Nguyễn Hoàng T có nơi cư trú tại Quận 8 nên vụ án này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 8 theo quy định tại Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ Luật tố tụng Dân sự.

[3] Về các yêu cầu của đương sự:

Chị Lê Thị Thanh M và anh Nguyễn Hoàng T kết hôn có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường 4, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh, theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 120/2000, quyển số 01, đăng ký ngày 10/8/2000, nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp phù hợp với Điều 8, Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình.

Xét yêu cầu ly hôn của chị M, chị M trình bày trong thời gian chung sống vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn do giữa chị M và anh T bất đồng về quan điểm sống, thường xuyên gây tranh cãi, dù đã cố gắng hòa giải nhưng mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, vợ chồng không còn sự chia sẻ và tôn trọng nhau, cuộc sống gia đình không có hạnh phúc. Do anh T đã nhiều lần có hành vi bạo lực đối với chị M nên chị M đã không còn sống chung từ năm 2013 cho đến nay. Tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn nên chị M yêu cầu được ly hôn. Căn cứ Điều 51 Luật Hôn nhân và Gia đình, yêu cầu của chị M là có căn cứ cần giải quyết.

Tại biên bản hòa giải ngày 28/12/2018, anh T thừa nhận gia đình có mâu thuẫn nhưng không lớn, chưa đến mức phải ly hôn; anh T thừa nhận có đánh chị M do chị M không chung thủy. Tuy nhiên giữa hai người đã hòa giải được với nhau

từ năm 2009 đồng thời anh T đề nghị Tòa án cho anh T có thêm thời gian để hòa giải đoàn tụ với chị M. Xét thấy anh T đã được Tòa án triệu tập nhiều lần đến Tòa để tạo điều kiện cho hai bên hòa giải đoàn tụ gia đình nhưng anh T vẫn vắng mặt và cũng không có mặt tại phiên tòa xét xử, điều này thể hiện anh T không còn tha thiết đến việc hàn gắn hạnh phúc gia đình; tình cảm vợ chồng giữa chị M và anh T không còn, mâu thuẫn vợ chồng đã phát sinh dẫn đến hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Ngoài ra, tại bản tự khai của các cháu Nguyễn Hoàng Lê F và Nguyễn Lê Khánh L là con chung của chị M và anh T thể hiện tình trạng hôn nhân giữa chị M và anh T là có mâu thuẫn, cuộc sống gia đình không có hạnh phúc. Tòa án đã tiến hành thu thập tài liệu, chứng cứ để xác định nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn, tranh chấp tại Ủy ban nhân dân cấp xã nơi vợ, chồng chung sống nhưng không nhận được thông tin phản hồi. Do đó, yêu cầu ly hôn của chị M cần chấp nhận vì phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình.

Về con chung: chị M và anh T có hai con chung tên Nguyễn Hoàng Lê F, sinh ngày 22/02/2001 hiện đã thành niên và Nguyễn Lê Khánh L, sinh ngày 17/11/2003. Cả hai cháu Lê F và Khánh L hiện đang sống chung và do chị M trực tiếp nuôi dưỡng, chị M có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con chung Khánh L sau khi ly hôn, yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung một tháng 3.000.000 đồng.

Ngày 28/01/2019 cháu Khánh L đến Tòa thể hiện ý kiến có nguyện vọng muốn sống chung với mẹ sau khi chị M và anh T ly hôn.

Anh T vắng mặt tại phiên tòa, tuy nhiên tại buổi hòa giải ngày 28/12/2018, anh T thể hiện ý kiến tôn trọng và chấp nhận nguyện vọng của các con và nếu các con muốn sống chung với mẹ thì anh T đồng ý cấp dưỡng nuôi mỗi con chung một tháng 3.000.000 đồng.

Xét yêu cầu của chị M, ý kiến của cháu Khánh L và ý kiến của anh T là phù hợp với Điều 81, 82 Luật Hôn nhân và Gia đình mặt khác cũng phù hợp với nguyện vọng của con chung và đảm bảo quyền lợi của con nên chấp nhận yêu cầu của chị M, giao con chung Khánh L cho chị M trực tiếp nuôi dưỡng sau khi ly hôn, anh T cấp dưỡng nuôi con chung Khánh L mỗi tháng 3.000.000đ (Ba triệu đồng). Bắt đầu thi hành ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật lần lượt hàng tháng cho đến khi con chung thành niên. Thi hành tại thi hành án dân sự có thẩm quyền. Đối với con chung Lê F hiện đã thành niên nên Hội đồng xét xử không đặt ra để giải quyết.

Về tài sản chung: Chị M có nguyện vọng muốn được tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Tại buổi hòa giải ngày 28/12/2018, anh T đồng ý nếu ly hôn sẽ tự thỏa thuận về tài sản, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do vậy, Hội đồng xét xử ghi nhận yêu cầu của chị M, anh T tự thỏa thuận về tài sản, không đặt ra để giải quyết.

Về nợ chung: Chị M tự khai giữa chị M và anh T không nợ gì của ai. Tuy nhiên, do chưa có ý kiến của anh T về vấn đề này nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết, nếu sau này có tranh chấp, các bên sẽ giải quyết bằng một vụ án khác

[4] Về án phí: Căn cứ vào Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án chị M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm (Ly hôn) là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng). Đối với án phí dân sự sơ thẩm cấp dưỡng nuôi con chung anh T phải chịu là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 147, 207, Khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự số 92/2015/QH13;

Áp dụng:

- Các Điều 8, 9, 51, 56, 57, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm số 52/2014/QH13;
- Điều 357 Bộ luật dân sự số 91/2015/QH13;
- Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Lê Thị Thanh M

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị Thanh M được ly hôn với anh Nguyễn Hoàng T.

2. Về nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con chung:

Có hai người con chung tên Nguyễn Hoàng Lê F, sinh ngày 22/02/2001 (Đã thành niên) và Nguyễn Lê Khánh L, sinh ngày 17/11/2003.

Giao con chung tên Nguyễn Lê Khánh L cho chị Lê Thị Thanh M tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng.

Anh Nguyễn Hoàng T cấp dưỡng nuôi con chung Khánh L mỗi tháng 3.000.000đ (Ba triệu đồng), bắt đầu thi hành ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật lần lượt hàng tháng cho đến khi con chung thành niên. Thi hành tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền,

Kể từ ngày chị M có đơn yêu cầu thi hành án, nếu anh T không thực hiện việc cấp dưỡng nuôi con chung, thì anh T còn phải chịu trách nhiệm do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền theo quy định tại Điều 357 Bộ luật dân sự số 91/2015/QH13.

Anh T có quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai được quyền cản trở.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, cơ quan, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung: Chị M, anh T tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về nợ chung: Không xem xét giải quyết.

5. Về án phí:

Án phí dân sự sơ thẩm (Ly hôn) là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) chị Lê Thị Thanh M phải chịu nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tiền số 0018517 ngày 28/11/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh. Chị M đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Án phí dân sự sơ thẩm (Cấp dưỡng nuôi con) là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) anh Nguyễn Hoàng T phải chịu.

Thi hành tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

5. Về quyền kháng cáo: Chị M, anh T có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự; Người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo các Điều 6, 7, và 9 Luật Thi hành án Dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Chi cục THADS Q.8;
- UBND nơi đăng ký kết hôn;
- VKSND Q.8;
- TAND TP.HCM;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Lương Duy Minh Chính